

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CƯ KUIN
TỈNH ĐẮK LẮK**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: **18/2023/HS-ST**
Ngày 14 - 6 - 2023

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CƯ KUIN, TỈNH ĐẮK LẮK

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phạm Văn Đoàn.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Nguyễn Thế Vinh;
- Ông Hoàng Năng Long.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Thanh Loan - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin tham gia phiên tòa:
Bà Hà Thanh Hằng - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 6 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin, tỉnh Đắk Lắk, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 12/2023/TLST-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 15/2023/QĐXXST-HS ngày 01 tháng 6 năm 2023 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: Y Th Knul (tên gọi khác: Không); Giới tính: Nam; Sinh ngày 15/9/1998, tại tỉnh Đắk Lắk. Nơi thường trú: Buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Êđê; Tôn giáo: Không; Nghề nghiệp: Không; Trình độ học vấn: 6/12; Họ và tên cha: Y B Niê, sinh năm 1967, họ và tên mẹ: H M Knul, sinh năm 1968, hiện cả hai đang sống tại buôn K, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk; Bị cáo chưa có vợ, con; Tiền sự: Không; Tiền án: 02 tiền án.

Tại Bản án số 30/2017/HSST ngày 10/11/2017 của Tòa án nhân dân huyện Cư Kuin xử phạt 03 năm tù, về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 18/01/2020.

Tại Bản án số 272/2021/HSPT, ngày 19/11/2021 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk xử phạt 01 năm tù, về tội Cố ý gây thương tích, chấp hành xong án phạt tù vào ngày 24/7/2022.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 18/01/2023 hiện đang tạm giam tại Nhà tạm giữ Công an huyện C (Có mặt).

2. Người bị hại: Bà Lê Thị T, sinh năm 1981; Địa chỉ: Thôn T, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

3. Người làm chứng:

- Ông Y T Niê, sinh năm 1993; Địa chỉ: Buôn E, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

- Ông Lê Văn Th, sinh năm 1987; Địa chỉ: Thôn B, xã E, huyện C, tỉnh Đắk Lắk (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Vào khoảng 10 giờ ngày 10/11/2022, Y Th Knul uống rượu tại nhà Y Kh Byă, thuộc buôn C, xã E, huyện C thì Y Thu nhờ Y T Niê chở Y Th về nhà tại buôn K, xã E, huyện C, Y T đồng ý nên đã điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47T1-13140 (xe của chị H L Niê, sinh năm 1997) chở Y T về nhà. Trên đường về qua lô rẫy thuộc thôn T, xã E, huyện C thì giữa Y Thu và Y T xảy ra cãi nhau về việc Y T nói với Y Th là Y T có tiền để mua ma túy về cho Y Th cùng sử dụng, nhưng sau đó lại nói không có tiền, nên Y Th bức tức không muốn đi nhờ xe Y T nữa và nhảy xuống xe đi bộ thì nhìn thấy bên lề đường lô rẫy có một xe mô tô nhãn hiệu Wave Krsm, biển kiểm soát 47K2-7363 (xe đứng tên ông Lê Thái V, sinh năm 1979) do bà Lê Thị T dựng bên lề đường lô rẫy không có ai trông coi (Y Th nảy sinh ý định trộm cắp tài sản). Y Th đi lại gần xe mô tô biển kiểm soát 47K2-7363 thấy xe không khóa cổ, liền lấy từ trong túi quần ra một cái kéo (loại kéo cắt chỉ, có hai mũi nhọn) đút phần mũi nhọn vào ổ khóa điện vận, thấy lên điện, Y Th nói Y T đi về trước còn Y Th ở lại.

Khi Y T đi về trước thì Y Th khởi động xe bằng nút đề, rồi điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K2-7363 đi đến nhà Y J Ktul, nói chuyện với Y J Ktul được khoảng năm đến mười phút sau thì Y Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K2-7363 đến nhà của chị H N Ênuôl, sinh năm 1996 tại buôn K, xã E, huyện C. Khi gặp chị H N thì Y Th nói với chị H N: “*Đi lên nương nước buôn K chở anh về cái. Anh trả cái xe này cho họ*” chị H N đồng ý và nói với Y Th đi trước còn mình sẽ lên sau. Y Th điều khiển xe mô tô biển kiểm soát 47K2-7363 quay lại vị trí đã lấy xe mô tô thì gặp bà Lê Thị T, Y Th nói với bà T “*Em mượn xe một tí, tí có bà chị lên chở*” thì bà T nói: “*Mày lấy xe đi mà mày không nói gì hết*” đồng thời nói cho Y Th biết, khi bị mất trộm xe mô tô bà T đã trình báo đến Công an xã E.

Tại bản kết luận định giá tài sản số 35 ngày 25/11/2022 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự huyện C đã kết luận: *Một xe mô tô mang biển kiểm soát 47K2-7363 tại thời điểm ngày 10/11/2022 có trị giá là 15.000.000 đồng (Mười lăm triệu đồng).*

Quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã thu giữ một xe mô tô biển kiểm soát 47K2-7363 và một cái kéo, loại kéo cắt chỉ, kích

thước 02cm x 10,5cm, phần tay cầm bằng kim loại màu đen dài 7,5cm, hai lưỡi kéo bằng kim loại màu trắng dài 3cm, có hai mũi nhọn.

Ngày 19/01/2023 Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại xe mô tô trên cho bà Lê Thị T theo Quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 16/01/2023.

Đối với một cái kéo cắt chỉ có đặc điểm nêu trên của bị cáo Y Th là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

Tại bản cáo trạng số 11/CT-VKS-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 của Viện kiểm sát nhân dân huyện C đã truy tố bị cáo Y Th Knul về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự.

Kết quả xét hỏi công khai tại phiên tòa bị cáo Y Th Knul khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung bản cáo trạng và thừa nhận Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo về tội “*Trộm cắp tài sản*” theo khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự là đúng hành vi phạm tội của bị cáo.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện C vẫn giữ nguyên nội dung bản Cáo trạng số: 11/CT-VKS-HS ngày 21 tháng 4 năm 2023 và đề nghị Hội đồng xét xử:

Tuyên bố bị cáo Y Th Knul phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”;

Căn cứ vào điểm g khoản 2 Điều 173; các điểm b, h, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Đề nghị xử phạt bị cáo Y Th Knul từ 02 năm đến 02 năm 06 tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 18/01/2023.

* Về trách nhiệm dân sự: Bị hại bà Lê Thị T không yêu cầu bồi thường gì nên không đề cập xử lý.

* Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

- Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại một xe mô tô biển kiểm soát 47K2-7363 cho bà Lê Thị T theo Quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 16/01/2023.

- Tịch thu tiêu hủy 01 cái kéo, loại kéo cắt chỉ, kích thước 02cm x 10,5cm, phần tay cầm bằng kim loại màu đen dài 7,5cm, hai lưỡi kéo bằng kim loại màu trắng dài 3cm, có hai mũi nhọn.

Bị cáo không có ý kiến tranh luận gì với đại diện Viện kiểm sát và đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan cảnh sát điều tra Công an huyện Cư Kuin, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Cư Kuin, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ai khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Xét lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với vật chứng thu giữ được, phù hợp với lời khai bị hại và các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập có trong hồ sơ vụ án, thể hiện: Vào ngày 10/11/2022, Y Th Knul đã lén lút trộm cắp 01 chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47K2-7363 của bà Lê Thị T đang dựng bên lề đường lô rẫy thuộc thôn T, xã E, huyện C trị giá 15.000.000 đồng (*Mười lăm triệu đồng*).

Bị cáo Y Th khi phạm tội là người đang có tiền án đã tái phạm, chưa được xóa án tích, nên bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Do đó, có đủ cơ sở kết luận hành vi của bị cáo Y Th Knul phạm tội “*Trộm cắp tài sản*” theo điểm g khoản 2 Điều 173 của Bộ luật Hình sự. Việc Viện kiểm sát nhân dân huyện C truy tố bị cáo là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Điều 173 Bộ luật Hình sự năm 2015 quy định:

“1. Người nào trộm cắp tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng hoặc dưới 2.000.000 đồng nhưng thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm”.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

g) Tái phạm nguy hiểm

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sử hữu về tài sản của bị hại, gây ảnh hưởng xấu đến trật tự trị an tại địa phương. Bị cáo là người có đủ khả năng nhận thức được tài sản của người khác là bất khả xâm phạm, mọi hành vi xâm phạm trái pháp luật đều bị pháp luật trừng trị. Nhưng do ý thức coi thường pháp luật, bị cáo đã lén lút thực hiện hành vi trộm cắp 01 chiếc xe mô tô của bà T để làm phương tiện đi lại, do vậy bị cáo phải chịu trách nhiệm hình sự do lỗi cố ý gây ra. Mặt khác, bị cáo là người có tiền án và chưa xóa án tích nhưng lại tiếp tục phạm tội.

[4] Về các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và hình phạt đối với bị cáo:

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Không.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải về hành vi phạm tội của mình. Bị cáo phạm tội nhưng gây thiệt hại không lớn; ngay sau khi thực hiện hành vi

trộm cắp tài sản, chưa bị ai phát hiện thì bị cáo đã tự thú với bị hại và đã tự nguyện trả lại tài sản cho bị hại. Bị cáo được bị hại viết đơn xin giảm nhẹ hình phạt, là người dân tộc thiểu số. Đây là các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Khi quyết định hình phạt cần xem xét giảm nhẹ cho bị cáo một phần hình phạt thể hiện chính sách khoan hồng, nhân đạo của pháp luật Nhà nước.

Với tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo như đã nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng mức hình phạt tương xứng với hành vi phạm tội của bị cáo, để buộc bị cáo phải cách ly ra khỏi đời sống xã hội một thời gian thì mới có tác dụng giáo dục riêng đối với bị cáo và răn đe phòng ngừa tội phạm chung trong xã hội.

[5] Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra, bị hại bà Lê Thị T không yêu cầu bị cáo bồi thường thiệt hại về tài sản trộm cắp nên Hội đồng xét xử không đề cập giải quyết.

[6] Về xử lý vật chứng: Trong quá trình điều tra Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả xe mô tô biển kiểm soát 47K2-7363 cho bà Lê Thị T theo Quyết định xử lý vật chứng số 01 ngày 16/01/2023. Vì vậy cần chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả lại chiếc xe mô tô này cho bà T.

Đối với 01 cái kéo, loại kéo cắt chỉ, kích thước 02cm x 10,5cm, phần tay cầm bằng kim loại màu đen dài 7,5cm, hai lưỡi kéo bằng kim loại màu trắng dài 3cm, có hai mũi nhọn của bị cáo Y Th là công cụ sử dụng vào việc phạm tội, không còn giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

[7] Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào: Điểm g khoản 2 Điều 173; điểm h, r, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

1. Tuyên bố: Bị cáo Y Th Knul phạm tội “*Trộm cắp tài sản*”.

Xử phạt: Bị cáo Y Th Knul 02 (hai) năm 06 (sáu) tháng tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam ngày 18/01/2023.

2. Về xử lý vật chứng: Căn cứ các Điều 46 của Bộ luật Hình sự; Điều 106 của Bộ luật Tố tụng Hình sự.

Chấp nhận việc Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C đã trả chiếc xe mô tô biển kiểm soát 47K2-7363 cho bà Lê Thị T là chủ quản lý và sử dụng.

Tịch thu tiêu hủy 01 cái kéo, loại kéo cắt chỉ, kích thước 02cm x 10,5cm, phần tay cầm bằng kim loại màu đen dài 7,5cm, hai lưỡi kéo bằng kim loại màu trắng dài 3cm, có hai mũi nhọn.

(Hiện vật chứng đang được lưu giữ tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện

C, theo như biên bản giao, nhận vật chứng ngày 21/4/2023 lưu tại hồ sơ vụ án).

3. Về án phí: Căn cứ khoản 2 Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Bị cáo Y Th Knul phải chịu 200.000 đồng (*Hai trăm nghìn đồng*) tiền án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án.

Bị hại vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết hợp lệ.

Nơi nhận:

- Vụ GDKT 1- TANDTC;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND huyện C;
- Công an huyện C;
- Phòng NVHS tỉnh Đắk Lắk;
- Chi cục THADS huyện C;
- Sở tư pháp tỉnh Đắk Lắk;
- Bị cáo; Bị hại;
- Cổng thông tin điện tử Tòa án;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Phạm Văn Đoàn